

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 12 - 2020.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và ông Trịnh Văn Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Đào Mạnh H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 2B, ngõ 202, đường Đ, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 2B, ngõ 202, đường Đ, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn Y, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt anh H và chị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn.

- Quan điểm của anh H: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống nên thường xuyên cãi vã, chửi nhau và đã có lần báo chính quyền địa phương nơi cư trú can thiệp. Qua nhiều lần giải quyết, thuyết phục nhưng

mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hòa hợp mà ngày càng căng thẳng và trầm trọng dẫn tới việc chị T đã bế con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2020. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, vợ chồng sống với nhau nhưng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T.

- Quan điểm của chị Nguyễn Thị Huyền T: Về nguyên nhân mâu thuẫn là từ khi chị có thai con gái đầu lòng, do anh H hay đi đêm, rượu, chè nhiều dẫn tới việc chị có ghen tuông và vợ chồng cãi vã, sau đó có sự động viên của hai bên gia đình thì vợ chồng đã đoàn tụ. Đến năm 2017 chị sinh con trai thứ hai thì anh H vẫn thường xuyên đi đêm, khi về vợ chồng đôi co, to tiếng thậm chí anh H đã đánh chị nhưng vì thương con và tình cảm vẫn còn nên vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nuôi dạy con chung. Đến năm 2020 là thời gian mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đỉnh điểm và trầm trọng dẫn tới việc chị báo Công an phường T vào can thiệp đồng thời chị đã bế hai con chung về bên ngoại sinh sống và vợ chồng cũng sống ly thân từ ngày 28/8/2020 đến nay, thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay anh H khởi kiện xin ly hôn thì chị hoàn toàn đồng ý tự nguyện thuận tình ly hôn.

\* Về con chung: Vợ chồng anh, chị thống nhất có hai con chung là Đào Tú A, sinh ngày 23/02/2016 (con gái) và Đào Nam A2, sinh ngày 16/9/2017 (con trai). Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nếu không được thì anh có nguyện vọng được nuôi một trong hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Chị T có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa hôm nay: Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T; về con chung anh xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Chị T đồng ý ly hôn với anh H, chị có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Cả hai đều xác định có đủ khả năng về kinh tế thu nhập và thời gian chăm sóc đồng thời ông bà giúp đỡ để phụ giúp trông con nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bên kia. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ đóng góp khác anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: Thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đào Nam A2, sinh ngày 16/9/2017 (con trai). Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đào Tú A1, sinh ngày 23/02/2016 (con gái). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Các quyền và nghĩa vụ cha mẹ với con chung khi ly hôn thực hiện theo pháp luật.

3. Về con nuôi, con riêng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ đóng góp khác: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

\* Về thẩm quyền: Xét thấy đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung giữa anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặc dù chị T đã về đăng ký tạm trú từ ngày 01/9/2020 và ở tại thôn Y, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam nhưng tại phiên hòa giải ngày 23/11/2020 chị T có quan điểm đồng ý chọn Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý là Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn giữa anh Đào Mạnh H và chị.

\* Về nội dung:

[1] Cuộc hôn nhân giữa anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2014 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Mạnh H, HĐXX thấy: Các đương sự đều khai nhận sau khi kết hôn, vợ chồng anh H và chị T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung, sau đó khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra là phù hợp với tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập. Vợ chồng đã sống ly thân, thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo anh H và chị T về đoàn tụ, nhưng anh H vẫn cương quyết xin được ly hôn với chị T, chị T tự nguyện thuận tình ly hôn với anh H. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị T thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H với chị T là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật quy định tại Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng cùng thống nhất có hai con chung là Đào Tú A, sinh ngày 23/02/2016 (con gái) và Đào Nam A1, sinh ngày 16/9/2017 (con trai). Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của anh H và chị T, (HĐXX) thấy rằng: Về mặt kinh tế, chỗ ở, điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con chung của anh, chị là ngang nhau nên cần giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật. Căn cứ các Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình: giao anh Đào Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đào Nam A1, sinh ngày 16/9/2017 (con trai). Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đào Tú A, sinh ngày 23/02/2016 (con gái). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật tại Điều 58 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị T không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về con chung: Giao anh Đào Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đào Nam A1, sinh ngày 16/9/2017 (con trai). Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đào Tú A, sinh ngày 23/02/2016 (con gái). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí ly hôn: Anh Đào Mạnh H và chị Nguyễn Thị Huyền T mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H được đối trừ với số tiền là 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004635 ngày 22/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh H được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường T,
- TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Oanh**